

Nguyễn Phi Long

Chuyên viên phân tích

Long.nguyenphi@mbs.com.vn

Hoàng Công Tuấn

Trưởng bộ phận kinh tế

Tuan.hoangcong@mbs.com.vn

Kinh tế Việt Nam

- **07T 2019, kim ngạch xuất khẩu đạt 145 tỷ USD, tăng 7,5% so với cùng kỳ 2018, cán cân thương mại thặng dư 1,8 tỷ USD.**
- **Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP 07 tháng tăng 9,4% yoy do sản xuất than cốc, dầu mỏ tinh chế tăng mạnh 48% so với cùng kỳ.**
- **Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng tốt trong tháng 07 khiến chỉ số PMI sản xuất của Việt Nam tăng nhẹ lên mức 52.6 điểm.**
- **Tổng vốn FDI đăng ký 7T 2019 đạt 20,2 tỷ USD, FDI giải ngân là 10,55 tỷ USD (+7,1% yoy).**
- **Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ 7 tháng đầu năm đạt 2,8 triệu tỷ đồng (120,2 tỷ USD), tăng trưởng 11,6% so với cùng kỳ do niềm tin người tiêu dùng vẫn tích cực dù căng thẳng chiến tranh thương mại leo thang.**
- **NSNN thặng dư 55.500 tỷ đồng trong 07 tháng đầu năm, thu NSNN đạt 777,7 nghìn tỷ đồng, bằng 55,1% dự toán năm.**
- **CPI tháng 07 tăng 0,18% so với tháng 06 do lương cơ sở của cán bộ công chức điều chỉnh tăng 7,2% từ 01/07/2019, CPI 07 tháng tăng 2,61% so với cùng kỳ.**
- **Thị trường ngoại hối trong nước khá ổn định trong tháng 07, tỷ giá VND/USD liên ngân hàng giao dịch quanh ngưỡng 23.200 đồng/USD, tuy nhiên chịu áp lực điều chỉnh tăng đầu tháng 08 do đồng NDT giảm giá mạnh xuống mức 7,03 NDT/USD.**

Hoạt động thương mại

Kim ngạch xuất khẩu 7 tháng 2019 đạt 145 tỷ USD, tăng 7,5% so với cùng kỳ

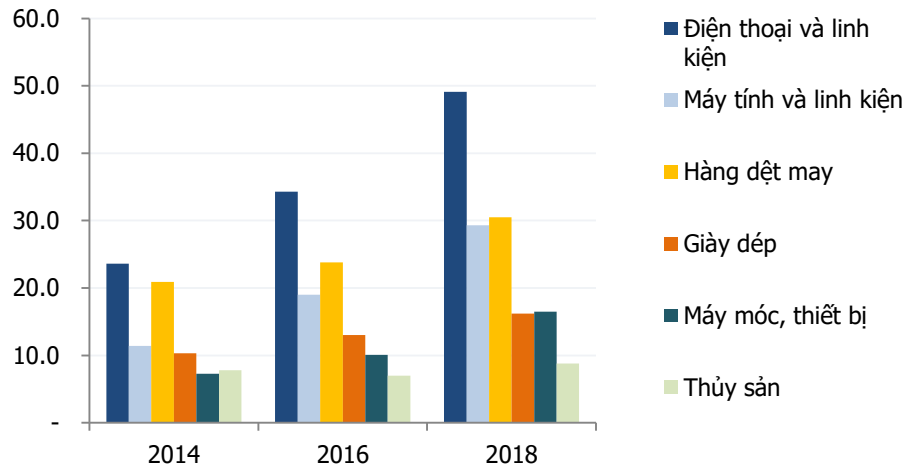
Việt Nam là một quốc gia có độ mở nền kinh tế lớn, giao thương của Việt Nam với thế giới đứng thứ 6 về tỷ trọng hoạt động thương mại so với quy mô nền kinh tế, tương đương với 198% GDP trong năm 2018, đạt 472 tỷ USD. Hoạt động thương mại tăng trưởng mạnh sau khi Việt Nam ký kết hiệp định tự do thương mại với WTO: xuất khẩu tăng trưởng bình quân 17,4% giai đoạn 2006-2018, giá trị xuất khẩu tăng hơn 6 lần từ mức 39,6 tỷ USD năm 2006 lên 244,7 tỷ USD trong năm 2018. 07 tháng đầu năm 2019, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 145 tỷ USD, trong đó mặt hàng điện tử tiêu dùng đạt giá trị xuất khẩu cao nhất lên tới 45,9 tỷ USD, chiếm 31,7% tỷ trọng tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm 2018. Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may, giày dép đứng thứ 02 với chiếm 1/5 tổng kim ngạch xuất khẩu, đạt 28,7 tỷ USD (+11,7% yoy).

Để phục vụ cho lĩnh vực sản xuất xuất khẩu, Việt Nam đã tăng cường nhập khẩu máy móc nguyên vật liệu trong giai đoạn này: kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam tăng 5,3 lần trong giai đoạn 2006-2018, từ mức 44,4 tỷ USD lên 235 tỷ USD, với mức tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 15,8%. 07 tháng 2019, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu vẫn tiếp tục tăng trưởng, tuy với tốc độ thấp hơn giai đoạn trước, ước tính đạt 143,3 tỷ USD, tăng 8,3% yoy, trong đó mặt hàng điện tử, điện thoại, máy tính và linh kiện nhập khẩu 45,9 tỷ USD, chiếm 31,6% tổng kim ngạch. Nhập khẩu máy móc thiết bị, phụ tùng đứng thứ 2 với tỷ trọng 14,5% tổng kim ngạch, đạt 10,8 tỷ USD.

Nguyên nhân của sự tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu là do sự hiện diện của lĩnh vực sản xuất các sản phẩm điện tử, hàng dệt may, giày dép của Việt Nam đang tiếp tục gia tăng trong chuỗi giá trị toàn cầu. Theo WTO, trong giai đoạn 2005-2015, tỷ lệ tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của nền công nghiệp sản xuất của Việt Nam đạt mức tăng trưởng cao nhất trong khu vực, bình quân hàng năm là 16,5%, cao hơn nhiều so với Trung Quốc (10%), Thái Lan (6,2%), Hàn Quốc (6,1%) và mức trung bình các nước đang phát triển (6,5%).

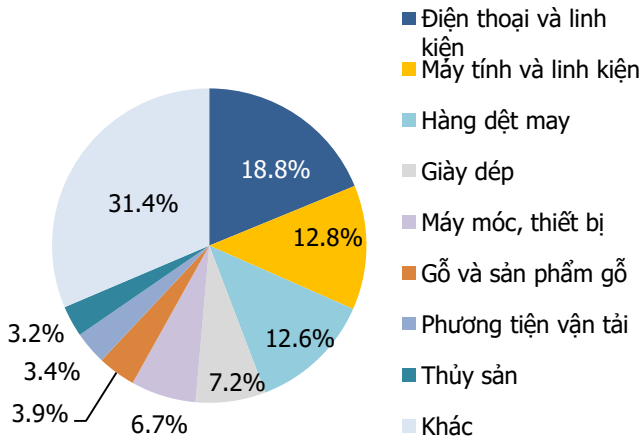
Việt Nam tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu (GVC) thông qua việc nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xuất khẩu (backward GVC participation), tỷ lệ này chiếm 45% tổng kim ngạch xuất khẩu, để sản xuất xuất khẩu các sản phẩm đầu vào cho các giai đoạn tiếp theo trong chuỗi sản xuất (forward GVC participation) (tỷ lệ này hiện chiếm trên 10%). Như vậy trên 55% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam có liên quan đến hoạt động chuỗi giá trị toàn cầu, xu hướng này sẽ tiếp tục tăng cường khi Việt Nam đang tích cực mở cửa nền kinh tế thông qua việc ký kết các hiệp định FTA.

Hình 1. Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam (tỷ USD)



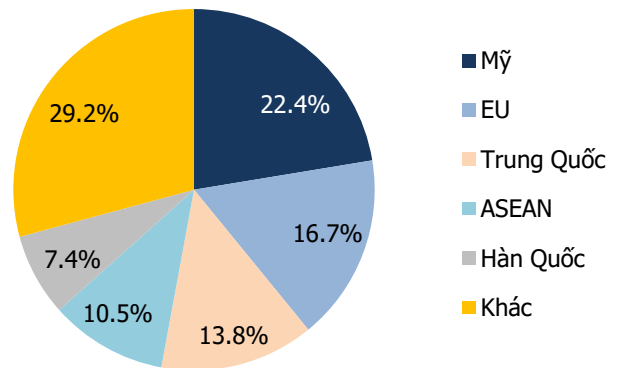
Nguồn: TCTK, MBS Research.

Hình 2. Tỷ trọng các mặt hàng xuất khẩu



Nguồn: TCTK.

Hình 3. Các thị trường xuất khẩu chính



Nguồn: Customs.

Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP 07 tháng tăng 9,4% so với cùng kỳ 2018

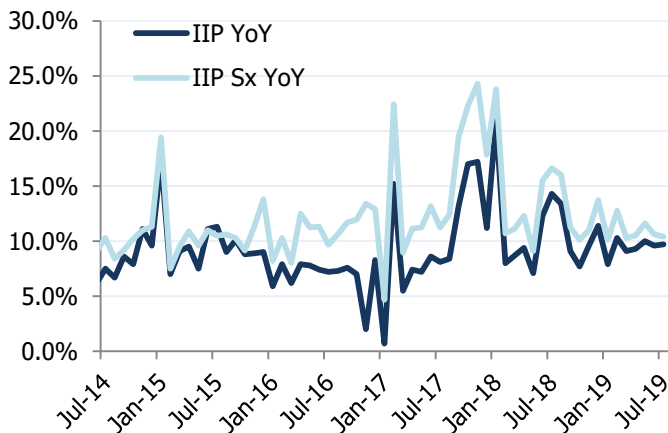
Chỉ số sản xuất công nghiệp 7T 2019 tăng trưởng 9,4% so với cùng kỳ 2018. Đóng góp cho sự tăng trưởng của ngành sản xuất công nghiệp là lĩnh vực sản xuất than cốc, dầu mỏ tinh chế (+48% YoY), sản xuất kim loại: gang, sắt, thép (+40,6%), sản xuất pin và ắc quy (+19,5%), sản xuất máy cho ngành dệt may (+12,6%), sản xuất xe có động cơ (+15,1%), lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp (+26%), sản xuất đồ chơi (+237,7%). Các yếu tố làm giảm tốc độ tăng trưởng của ngành sản xuất công nghiệp trong 07 tháng đầu năm: khai thác quặng sắt (-

11,3%), khai thác khí đốt tự nhiên (-6,9%), sản xuất mô tô xe máy (-5,6%), sửa chữa máy móc thiết bị (-29,4%).

Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tăng nhẹ lên mức 52.6 điểm

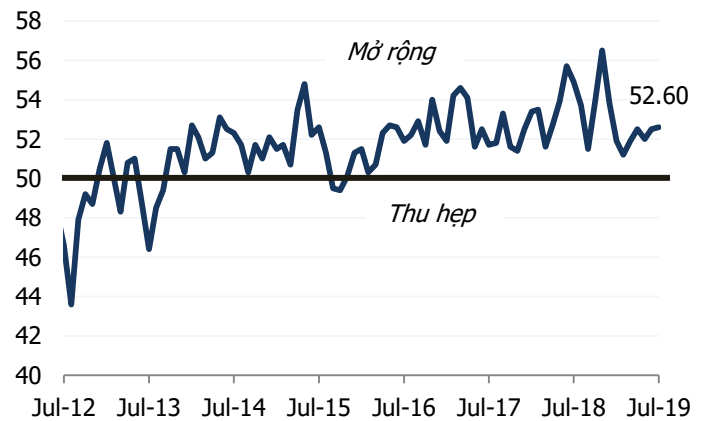
Lĩnh vực sản xuất của Việt Nam tiếp tục diễn biến tích cực khi chỉ số PMI trong tháng 07 tăng lên mức 52,6 điểm từ mức 52,5 điểm trong tháng 06 nhờ số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục tăng trưởng tốt. Điều kiện sản xuất kinh doanh được cải thiện và mở rộng tháng thứ 44 liên tiếp. Tăng trưởng đơn hàng khiến hoạt động sản xuất tăng mạnh trong tháng 07, do nhu cầu khách hàng gia tăng dù căng thẳng thương mại Mỹ-Trung tiếp tục leo thang. Tốc độ tăng giá của nguyên liệu đầu vào cho sản xuất đã chậm lại trong tháng 07 do nhu cầu suy yếu từ Trung Quốc khiến giá thành giảm. Kỳ vọng tăng trưởng đơn đặt hàng xuất khẩu mới và triển vọng kinh doanh tích cực trong 12 tháng tới khiến niềm tin hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp sẽ tiếp tục mở rộng trong năm tới.

Hình 4. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 07



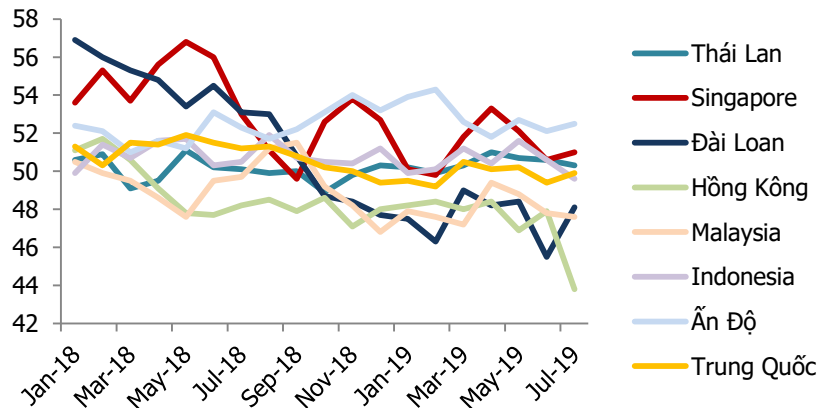
Nguồn: TCTK.

Hình 5. Chỉ số PMI sản xuất của Việt Nam



Nguồn: Nikkei – IHS Markit.

Hình 6. Chỉ số PMI của một số quốc gia trong khu vực



Nguồn: Bloomberg, IHS Markit.

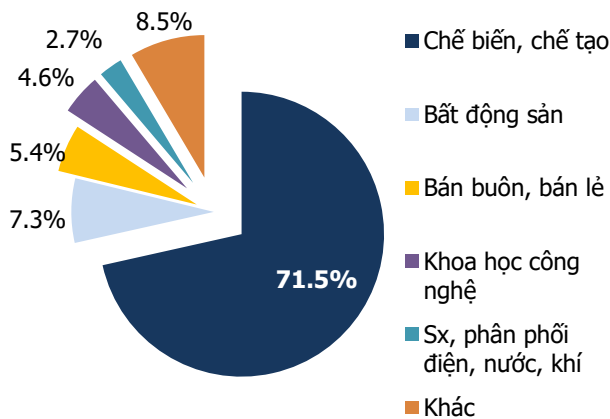
Đầu tư

Tổng vốn đăng ký 7T 2019 đạt 20,2 tỷ USD, FDI giải ngân đạt 10,55 tỷ USD (+7,1% yoy)

Theo Bộ KH&ĐT, tính đến 20/07/2019, tổng vốn FDI đăng ký cấp mới, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần đạt 20,22 tỷ USD. Cả nước có 2.064 dự án cấp mới với số vốn đăng ký là 8,27 tỷ USD, tăng 24,6% yoy. Vốn FDI thực hiện trong 07 tháng đầu năm đạt 10,55 tỷ USD, tăng 7,1% so với cùng kỳ 2018. Vốn FDI đăng ký góp vốn mua cổ phần tăng 77,8% so với cùng kỳ 2018, đạt 8,52 tỷ USD.

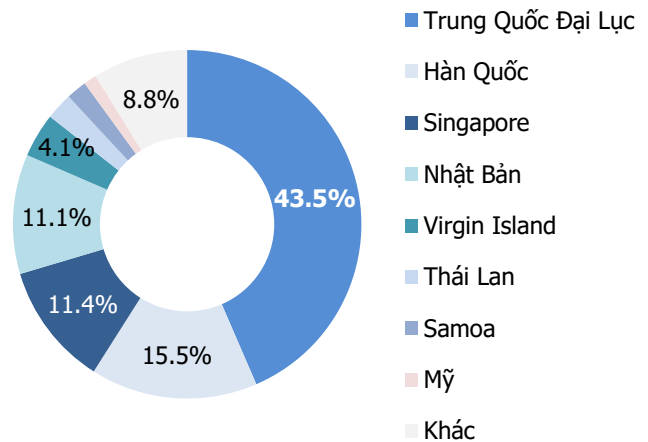
14,5 tỷ USD, tương đương với 71,5% tổng số vốn FDI đăng ký là dòng vốn đầu tư vào lĩnh vực sản xuất chế biến chế tạo. Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đứng thứ hai với 1,47 tỷ USD vốn FDI, chiếm 7,3% tổng vốn đăng ký. Đứng thứ ba là lĩnh vực bán buôn bán lẻ với 1,1 tỷ USD vốn đăng ký, chiếm tỷ trọng 5,4%. Dòng vốn từ Trung Quốc Đại Lục (Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan) chiếm 43,5% dòng vốn FDI vào Việt Nam trong 07 tháng đầu năm với tổng vốn đăng ký là 8,8 tỷ USD.

Hình 7. Lĩnh vực thu hút dòng vốn FDI



Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài.

Hình 8. Cơ cấu nhà đầu tư theo quốc gia



Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài.

Tiêu dùng

Doanh thu bán lẻ 07 tháng tăng trưởng 11,6% so với cùng kỳ, đạt 120 tỷ USD

Theo TCTK, doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng 7 tháng đầu năm tăng trưởng 11,6% so với cùng kỳ, đạt 2,8 triệu tỷ đồng (120,2 tỷ USD). Dù triển vọng kinh tế thế giới kém tích cực, căng thẳng thương mại toàn cầu leo thang, niềm tin người tiêu dùng Việt Nam vẫn duy trì tích cực khiến họ đẩy mạnh chi tiêu, thúc đẩy doanh thu bán lẻ hàng hóa 7T 2019 tăng 12,5% so với cùng kỳ 2018, đạt 2,13 triệu tỷ đồng.

Dịch vụ lưu trú, ăn uống, với tỷ trọng 12% tổng mức, tiếp tục mức tăng trưởng ổn định 10% yoy, đạt 337,5 nghìn tỷ đồng. Doanh thu dịch vụ du lịch 07 tháng ước tính đạt 25,8 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 12,5%.

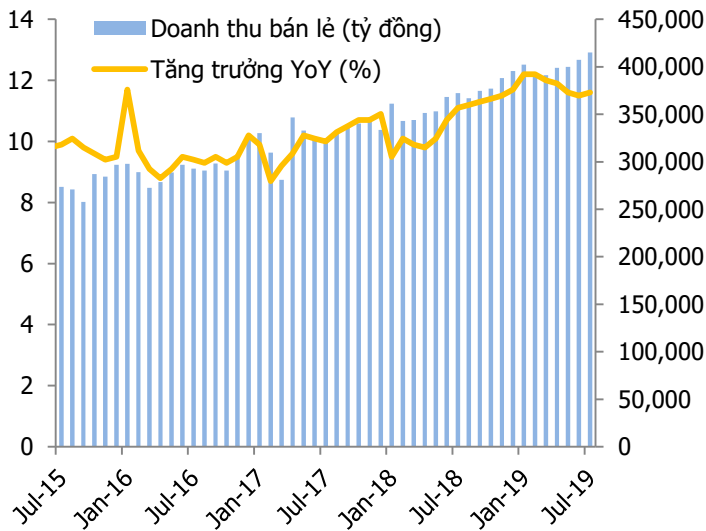
Chi tiêu của chính phủ

NSNN thặng dư 51.500 tỷ đồng trong 07 tháng 2019

7 tháng đầu năm, thặng dư NSNN đạt 51,5 nghìn tỷ đồng. Tổng thu ngân sách đạt 777,7 nghìn tỷ đồng, bằng 55,1% dự toán năm, trong đó thu nội địa chiếm 79.8%, đạt 620,5 nghìn tỷ đồng. Trong thu nội địa, thu từ thuế công, thương nghiệp và dịch vụ từ lĩnh vực tư nhân đạt 121,1 nghìn tỷ đồng, là nguồn thu chiếm tỷ trọng lớn nhất (1/5 tổng thu nội địa). Tiếp đến là thu từ doanh nghiệp FDI (17% thu nội địa), thu từ DNNN đạt 85,1 nghìn tỷ đồng (chiếm 14%), thu thuế TNCN đạt 61,6 nghìn tỷ đồng (10%).

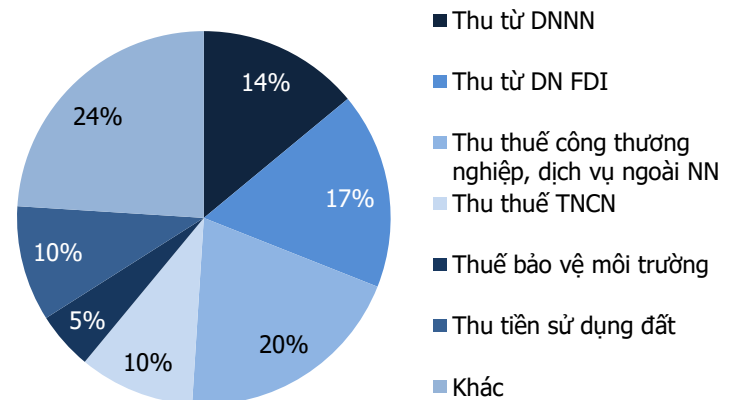
Tổng chi NSNN 7 tháng đầu năm ước tính đạt 726,2 nghìn tỷ đồng, bằng 44,5% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 552,8 nghìn tỷ đồng.

Hình 9. Tăng trưởng doanh thu bán lẻ.



Nguồn: TCTK.

Hình 10. Cơ cấu nguồn thu nội địa.



Nguồn: TCTK.

Hình 11. Cân đối NSNN (tính đến ngày 15/07/2019)

Tỷ đồng	Dự toán 2019	Q1/2019	7T 2019	% Kế hoạch năm
Tổng thu NSNN	1.411.300	381.000	777.700	55,1%
Thu nội địa	1.173.500	315.400	620.500	52,9%
Thu từ dầu thô	44.600	12.280	31.100	69,7%

Thu từ XNK	189.200	53.000	123.900	65,5%
Thu viện trợ	4.000			
Tổng chi NSNN	1.633.300	315.560	726.200	44,5%
Chi đầu tư phát triển	429.300	46.700	130.500	30,4%
Chi thường xuyên	999.466	237.180	552.800	52,3%
Chi trả nợ lãi	124.884	30.7600	65.200	52,2%
Chi trả nợ gốc	196.799	66.000		0.0%
Cân đối NSNN	-222.000	65.400	51.500	
Tỷ lệ bội chi so với GDP	3,6%			
Tổng vay NSNN	425.252			

Nguồn: Bộ Tài Chính, TCTK.

Chỉ báo vĩ mô

CPI tháng 07 tăng 0,18% so với tháng trước do lương cơ sở của cán bộ công chức điều chỉnh tăng 7,2%

CPI tháng 07 tăng 0,18% so với tháng 06, bình quân 7 tháng năm 2019 tăng 2,61% so với cùng kỳ 2018, mức tăng thấp nhất trong 3 năm gần đây. Mức tăng CPI trong tháng 7 do lương cơ sở của cán bộ công viên chức và lực lượng vũ trang điều chỉnh tăng 100 nghìn đồng/tháng (+7,2%) lên mức 1.490.000 đồng/tháng từ ngày 1/7/2019. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,33%, nhóm giáo dục tăng 0,22%, nhóm văn hóa, giải trí, du lịch tăng 0,15%, nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,02% do chỉ số nhóm bảo hiểm y tế tăng 6,67%.

Các nhóm góp phần làm giảm chỉ số CPI: nhóm giao thông (-0,03%), nhóm nhà ở và VLXD (-0,03%).

Tỷ giá VND trên thị trường ngoại hối ổn định quanh ngưỡng 23.200 đồng/USD phần lớn thời gian trong tháng 07

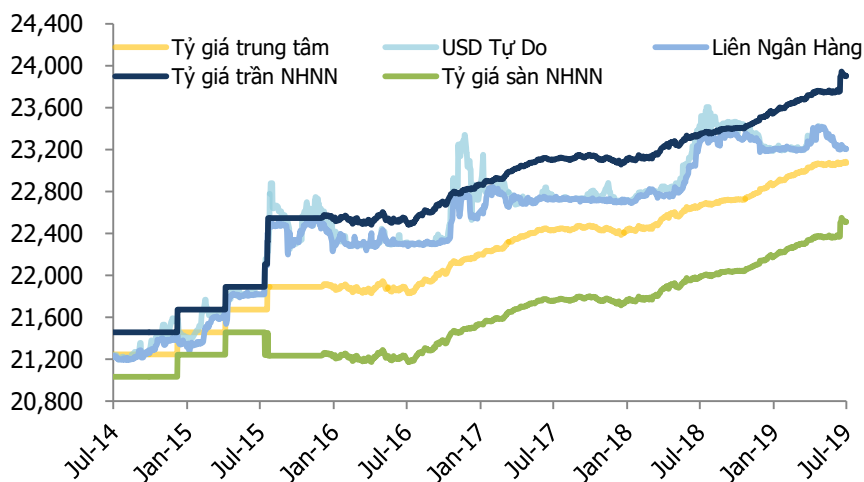
Thị trường ngoại hối trong nước khá ổn định trong tháng 07 nhờ kỳ vọng Fed hạ lãi suất khiến chênh lệch lãi suất USD-VND duy trì ổn định, tỷ giá VND/USD liên ngân hàng chốt phiên 31/07 giảm 97 đồng (-0,4%) so với thời điểm cuối tháng 06, hiện giao dịch quanh mốc 23.205 đồng/USD. Trên thị trường tự do, VND giao dịch ở mức 23.190 đồng/USD, tăng 0,46% so với tỷ giá ngày 28/06. Tỷ giá trung tâm của NHNN tăng nhẹ 07 đồng, giao dịch ở mức 23.073 đồng/USD.

Trên thị trường quốc tế, thương chiến Mỹ-Trung tiếp tục leo thang căng thẳng vào những ngày đầu tháng 08 khi tổng thống Mỹ Donald Trump đe dọa sẽ tiếp tục áp thuế 10% lên 300 tỷ đô hàng hóa xuất khẩu còn lại của Trung Quốc sang Mỹ khiến đồng NDT giảm mạnh 2,18% qua mốc tâm lý 7 NDT/USD, hiện giao dịch ở mức 7,03 NDT/USD. Rủi ro đồng NDT tiếp tục giảm giá do chiến tranh thương mại sẽ tạo áp lực lớn lên tỷ giá VND/USD trong tháng 08 khi Trung Quốc là một trong ba đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam. Chúng tôi cho rằng tỷ giá VND/USD sẽ điều chỉnh tăng trong tháng 08 cùng với sự suy yếu của đồng NDT, tuy nhiên áp lực phần nào sẽ được hạn chế bởi các yếu tố lạm phát thấp, cán cân thương mại thặng dư 1,8

tỷ USD trong 7 tháng đầu năm, dòng vốn FDI dồi dào (FDI giải ngân tăng 7,1% yoy đạt 10,55 tỷ USD), dự trữ ngoại hối của NHNN duy trì ở mức cao trên 66 tỷ USD.

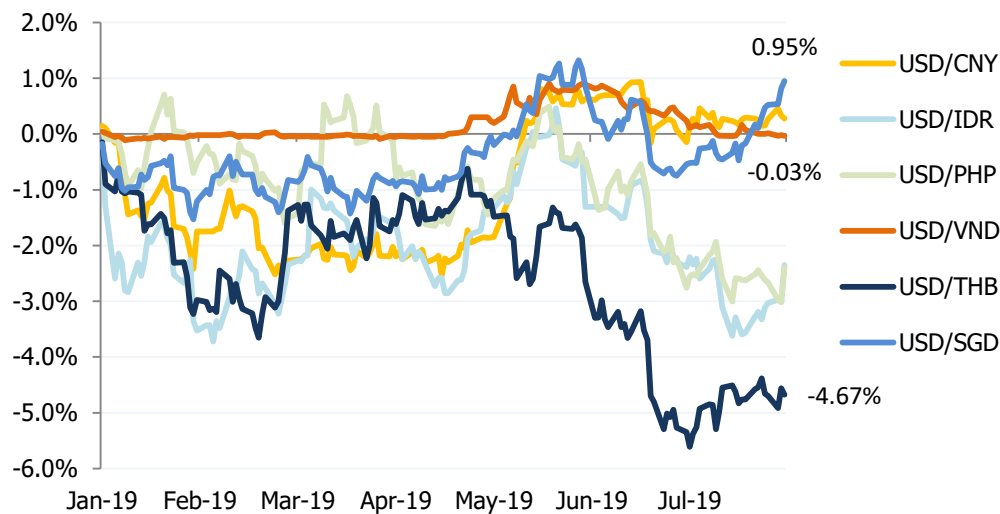
Diễn biến một số đồng tiền trong khu vực so với đồng USD: từ đầu năm đến ngày 31/07, đồng Baht Thái tăng 4,68%, Rupee Indonesia tăng 2,35%, PHP tăng 2,39%, SGD giảm 0,95%, NDT giảm 0,28% và VND tăng 0,03%.

Hình 12. Tỷ giá USD/VND



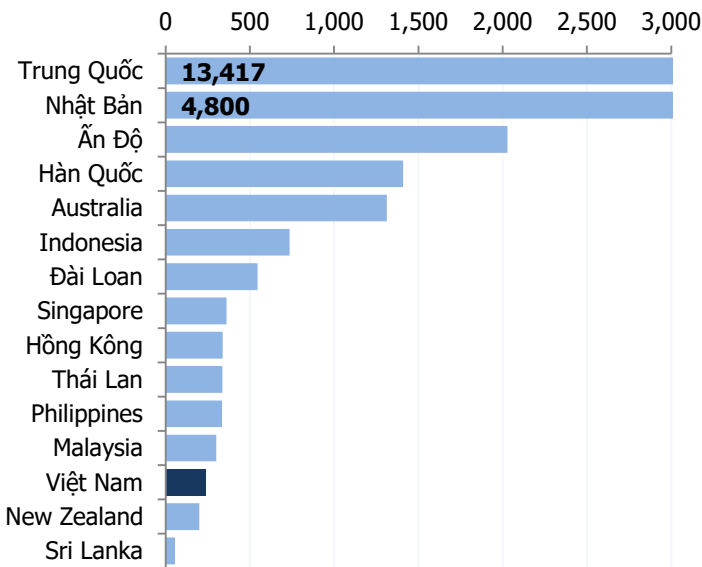
Nguồn: Bloomberg.

Hình 13. Biến động tỷ giá một số đồng tiền các quốc gia so với USD

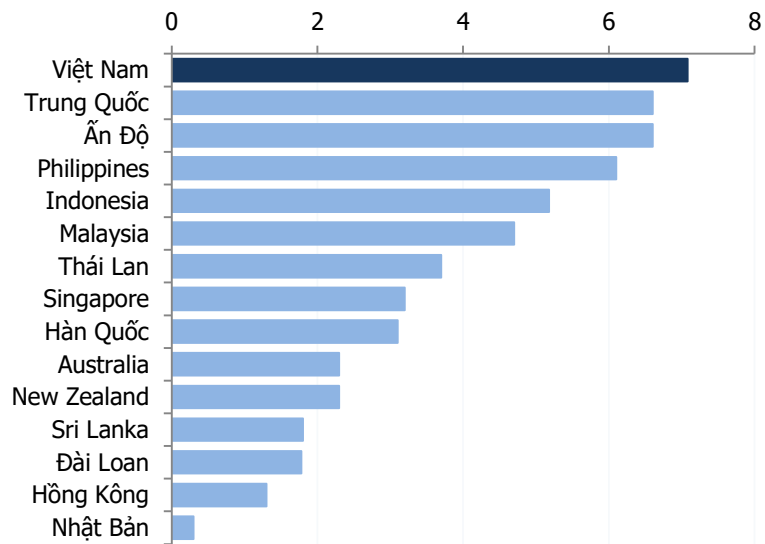


Nguồn: Bloomberg.

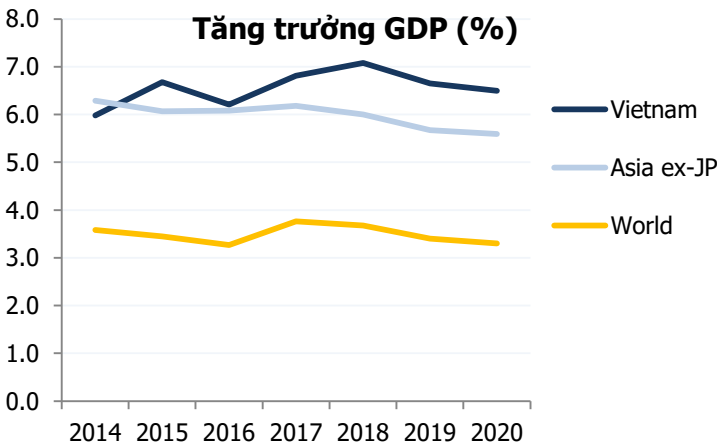
GDP (tỷ USD)



Tăng trưởng GDP 2018 (%)

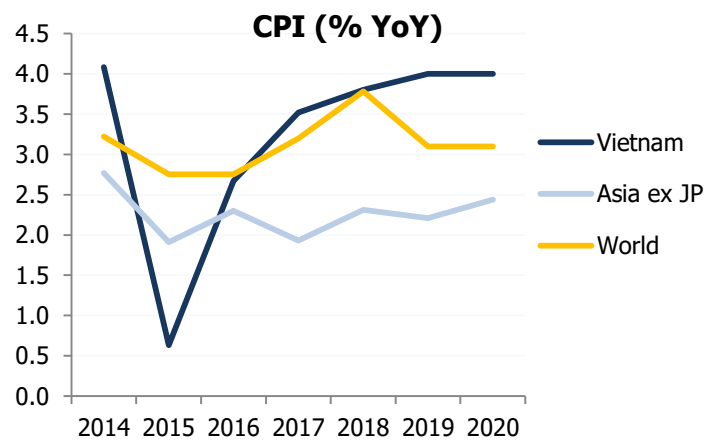


Nguồn: Bloomberg, MBS.

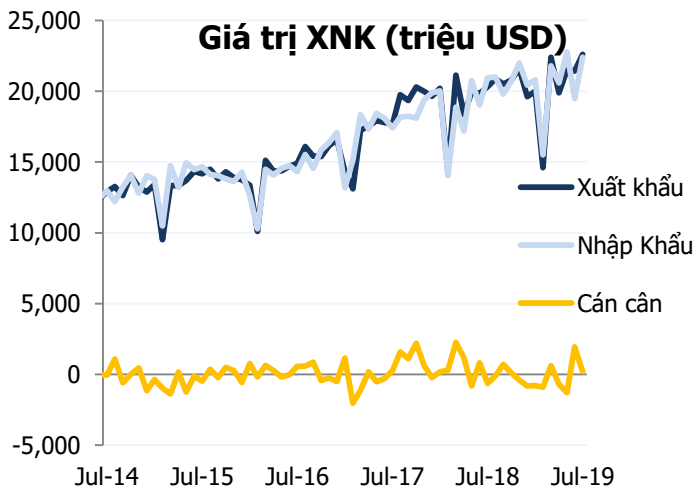


Nguồn: Bloomberg, MBS.

Nguồn: Bloomberg, MBS.



Nguồn: Bloomberg, MBS.



Hình 14. Các chỉ số kinh tế Việt Nam

	2014	2015	2016	2017	2018	2019F	2020F
GDP							
GDP Danh Nghĩa (tỷ USD)	185,8	191,3	201,3	220,4	241,4	266,2	292,2
Tăng trưởng GDP thực (%)	6,0	6,7	6,2	6,8	7,1	6,7	6,5
Chỉ tiêu trên GDP (% thay đổi)							
Tiêu dùng lĩnh vực tư nhân	6,1	9,3	7,3	7,4	5,9	5,5	5,4
Tiêu thụ của chính phủ	7	7	7,5	7,3	6,6	6,5	6,5
Xuất khẩu hàng hóa dịch vụ	11,6	12,6	13,9	8,8	8,2	7,1	6,4
Nhập khẩu hàng hóa dịch vụ	12,8	18,1	15,3	10,9	6,9	6,9	6,7
Dân số và thu nhập							
Dân số (triệu người)	92,5	93,6	94,6	95,5	96,5	97,4	98,4
GDP/đầu người (USD theo PPP)	5.675	6.053	6.430	6.928	7.482	8.060	8.665
Tỷ lệ thất nghiệp (%)	2,1	2,33	2,33	2,2	2	2	2
Chỉ số tài khóa (%GDP)							
Nợ chính phủ	46,4	49,2	52,6	51,8	52,1	52,2	52,2
Nợ công	58	61	63,6	61,3	61,4	61,3	60,8
Nợ nước ngoài	38,3	42	44,8	48,9	49,7	49,9	49,9
Giá và các chỉ số tài chính							
Tỷ giá USD/VND	21.373	22.485	22.740	22.690	23.180	23.421	23.702
Tỷ giá EUR/VND	25.948	24.479	23.970	27.212	26.541	26.465	26.803
Lạm phát (%)	4,1	0,6	2,7	3,5	3,5	3,5	3
Tăng trưởng tín dụng	14,2	17,1	18,7	18,2	13,9	14,6	14,2
Tăng trưởng cung tiền M1 (%)	21,2	18	18,1	16,7	11,3	13,1	12,8
Tăng trưởng cung tiền M2 (%)	17,69	16,23	18,38	14,97	11,9	13,7	13,6
Lãi suất cho vay 12 tháng	8,8	8,5	8,5	8,5	8,5	8,5	8,5
Cán cân thanh toán (triệu USD)							
Cán cân thương mại	12.126	7.396	14.013	11.495	10.180	8.267	7.302
Hàng hóa: Xuất khẩu FOB	150.217	162.112	176.632	214.135	240.697	253.483	261.021
Hàng hóa: Nhập khẩu FOB	138.091	154.716	162.619	202.640	230.517	245.216	253.719
Cán cân dịch vụ	-3.530	-4.300	-5.400	-3.871	-3.813	-2.802	-2.941
Cán cân vãng lai	9.359	906	8.235	6.124	4.447	2.998	1.403
Nợ nước ngoài (triệu USD)							
Dư nợ	72.423	77.806	85.642	104.080	114.708	120.299	121.024
Trả nợ gốc	5.313	4.927	5.732	11.238	7.798	9.004	10.173
Lãi suất	1.422	1.702	1.600	2.307	2.486	2.971	3.197
Dự trữ ngoại hối (triệu USD)							
Tổng dự trữ ngoại hối	34.575	28.616	36.906	49.497	54.491	59.938	60.310

Nguồn: IMF, IMF Financial Statistics, EIU, Bloomberg, MBS tổng hợp.

SẢN PHẨM

Sản phẩm này cập nhật những diễn biến mới nhất của nền kinh tế Việt Nam. Báo cáo tập trung vào các vấn đề kinh tế vĩ mô quan trọng như lạm phát, tăng trưởng kinh tế, cán cân thương mại, tỷ giá và các chính sách vĩ mô. Báo cáo này cũng dự báo những biến số ảnh hưởng lớn đến thị trường chứng khoán. MBS phát hành báo cáo này, nhưng những sai sót nếu có thuộc về tác giả. Chúng tôi cảm ơn khách hàng đã đọc và gửi phản hồi về các sản phẩm của chúng tôi.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU

Chúng tôi cung cấp các nghiên cứu kinh tế và cổ phiếu. Bộ phận nghiên cứu kinh tế đưa ra các báo cáo định kỳ về các vấn đề kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ và thị trường trái phiếu. Bộ phận nghiên cứu cổ phiếu chịu trách nhiệm các báo cáo về công ty niêm yết, báo cáo công ty tiềm năng và báo cáo ngành. TT Nghiên Cứu cũng đưa ra các bình luận và nhận định về thị trường thông qua bản tin là The Investor Daily.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP. HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác. Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp. Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty CP Địa ốc MB (MB Land), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC) và Công ty CP Việt R.E.M.A.X (Viet R.E.M), MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

MBS tự hào được nhìn nhận là

- Công ty môi giới hàng đầu, đứng đầu về thị phần môi giới từ năm 2009;
- Công ty nghiên cứu có tiếng nói trên thị trường với đội ngũ chuyên gia phân tích có kinh nghiệm, cung cấp các sản phẩm nghiên cứu về kinh tế và thị trường chứng khoán; và
- Nhà cung cấp đáng tin cậy các dịch vụ về nghiệp vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty quy mô vừa.

MBS HỢI SỞ

Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
ĐT: + 84 4 3726 2600 - Fax: +84 3726 2601
Website: www.mbs.com.vn

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.